

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phong và ông Nguyễn Đình Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2024/TLST – HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2024, giữa các đương sự:

1. Chị Đào Thị H, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Đào Thị H trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Trần Văn T vào ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại gia đình anh T ở thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lúc đó bố mẹ chị là đại lý thức ăn chăn nuôi gia súc; vợ chồng chị có mua cám

của bố mẹ chị để nuôi lợn. Lúc đầu bố mẹ chị còn chở cám đến tận nhà cho vợ chồng chị nhưng sau đó bố chị bảo vợ chồng tự ra chở cám về; anh T không ra chở cám nhưng chị vẫn ra chở; anh T cho rằng bố mẹ chị cất không bán cám cho vợ chồng chị. Do anh T có mâu thuẫn với bố mẹ chị và do dịch bệnh nuôi lợn thua lỗ nên khi bán lợn thì vợ chồng chị không nuôi lợn nữa. Tuy nhiên sau đó mỗi lần anh T đi uống rượu say về anh T lại lấy chuyện này ra để làm có chửi bố mẹ chị; chị có nói lại thì vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tối ngày 15/7/2024; anh T đi uống rượu say về lại lôi chuyện bố mẹ chị không bán cám cho vợ chồng chị ra để nói và chửi bố mẹ chị; chị nói lại thì vợ chồng cãi nhau; anh T đã đánh đấm và chửi đươi chị; chị đã phải đến nhà bác ruột của chồng để ngủ nhờ; đến sáng hôm sau chị về nhà bố mẹ để ở. Thời gian chị ở nhà bố mẹ đẻ, anh T có vài lần đến nhà bố mẹ chị nhưng không phải là tìm chị về đoàn tụ mà đến để chửi bới gia đình chị; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn; đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 03/10/2012 và cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 22/7/2017; từ khi chị về sống với bố mẹ đẻ chị thì các cháu ở với anh T.

Ly hôn, do cháu Đ đã lớn và có nguyện vọng ở với bố nên chị đề nghị được nuôi cháu Ph và giao cháu Đăng cho anh T nuôi dưỡng; chị và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị xác định hiện tại chị không có thai.

Chị H xác định hiện chị làm công nhân tự do, thu nhập khoảng 8 triệu đồng một tháng. Chị không có bằng lương để nộp cho Tòa án. Nếu được giao nuôi con, chị và con sẽ ở cùng với bố mẹ đẻ; điều kiện ăn ở đảm bảo.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H xác định không có và chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không còn ý kiến gì khác.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Trần Văn T trình bày:

2.1. Về hôn nhân: Anh và chị Đào Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ chồng; hai người không có mâu thuẫn gì lớn.

Đối với nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, anh T xác định chị H trình bày không đúng sự thật. Anh T trình bày: Năm 2018 vợ chồng anh đầu tư nuôi nhiều

lợn và có mua cám của bố mẹ chị H. Cuối năm 2018 do dịch tả châu Phi nên lợn chết nhiều làm vợ chồng anh thiệt hại lớn về kinh tế; anh phải đi Hà Nội làm để lấy tiền trang trải. Đến cuối năm 2018 chị H có gọi điện thoại nói là bố mẹ chị H không bán cám cho vợ chồng anh nữa. Anh về thấy đúng như vậy nên anh đã chuyển sang mua cám của đại lý khác. Sau đó thỉnh thoảng anh có nhắc lại với chị H về việc bố mẹ chị H cắt không bán cám trong lúc vợ chồng khó khăn. Chị H có nói lại thì thành ra vợ chồng to tiếng với nhau. Chiều tối ngày 15/7/2024 sau khi uống bia tại nơi làm về thì anh có nói chuyện với chị H về việc còn có nhiều người tốt giúp mình trong lúc khó khăn; chị H cho rằng anh chửi bố mẹ chị nên nói lại; vợ chồng cãi nhau; trong lúc nóng giận không kiềm chế được bản thân anh có đánh đuổi chị H. Chị H bỏ đi, sau đó về nhà bố mẹ đẻ ở. Khoảng 4 - 5 ngày sau anh đến nhà bố mẹ chị H để tìm chị H nói chuyện. Khi anh vừa vào đến nhà thì bố chị H đã chửi anh; anh có nói lại nên thành ra hai người cãi nhau; chị H có ra gặp; anh bảo chị H về nhà chung sống nhưng chị H không về. Sau đó chị H chặn số, chặn mọi tương tác qua mạng xã hội nên anh không liên lạc được với chị H. Sau đó chị H có khoảng 4 - 5 lần về nhà bố mẹ anh thăm con nhưng đều về vào những lúc anh đi làm nên hai người không gặp nhau.

Nay chị H kiện ly hôn; anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đồng thời anh không muốn các con phải sống xa nhau nên anh không nhất trí ly hôn. Về cách khắc phục mâu thuẫn; anh xác định hiện anh không tìm được cách nào để khắc phục mâu thuẫn do chị H chặn mọi liên lạc với anh.

2.2. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 03/10/2012 và cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 22/7/2017; Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ sống thì các cháu ở với anh cùng bố mẹ anh.

Do anh không nhất trí ly hôn nên anh không có quan điểm gì về việc nuôi con sau ly hôn. Còn nếu chị H cứ kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao cả 2 cháu cho anh nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Anh xác định hiện tại anh đang làm thợ xây thu nhập bình quân khoảng từ 10- 12 triệu đồng một tháng, do anh làm tự do nên không có căn cứ chứng minh thu nhập để nộp cho tòa án. Hiện anh đang ở cùng với bố mẹ anh, nhà cửa rộng rãi, thu nhập ổn định và có ông bà phụ giúp nên đủ điều kiện nuôi cả hai con.

2.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh T xác định không có và anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không còn ý kiến gì khác.

[3] Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn anh T. Về nuôi con chung sau ly hôn,

chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ph; giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về phân chia tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ) và trợ cấp khó khăn sau ly hôn; chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị H. Xử cho chị Đào Thị H ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 22/7/2017 cho chị Đào Thị H nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 03/10/2012 cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H, anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Trần Văn T đăng ký thường trú tại thôn x, xã B do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bố mẹ chị H là đại lý thức ăn chăn nuôi và bán cám cho vợ chồng anh T chị H chăn nuôi. Từ giữa năm 2018 do dịch bệnh làm lợn chết nhiều nên việc chăn nuôi của anh T chị H thua lỗ. Bố mẹ chị H từ việc tự chở cám vào tận nơi chăn nuôi cho anh chị thì bảo vợ chồng anh T chị H ra đại lý tự chở cám về dẫn đến việc anh T nghi ngờ bố mẹ vợ không muốn bán cám, gây khó khăn cho vợ chồng anh. Sau đó vợ chồng anh T chị H không nuôi lợn nữa nhưng anh T vẫn đề bụng việc này; cứ mỗi lần uống rượu về anh T lại lấy chuyện này ra làm cái cớ để nói bố mẹ vợ; chị H nói lại thì thành ra hai người cãi chửi nhau; mâu thuẫn cứ thế kéo dài. Tối ngày 15/7/2024, anh T đi làm về và lại nói chuyện bố mẹ vợ không bán cám, chị H nói lại, vợ chồng cãi nhau, anh T đánh, đuổi chị H. Chị H ngay tối đó phải đi sang nhà bác ruột anh T ở và từ sáng hôm sau chị H về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó anh T có sang nhà bố mẹ chị H nói chuyện với mục đích để đón chị H về chung sống tuy nhiên trong quá trình nói chuyện thì giữa anh T và bố mẹ chị H lại xảy ra mâu thuẫn, to tiếng với nhau nên chị H không về chung sống cùng anh T. Sau đó thỉnh thoảng chị H có về nhà bố mẹ anh T gặp gỡ các con nhưng không gặp anh T.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn từ lâu nhưng anh chị không có sự thấu hiểu, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn âm ỉ kéo dài. Mặc dù anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng trên thực tế anh đã có hành vi đánh, đuổi chị H; hành vi này đã làm tổn thương nghiêm trọng đến tình cảm của chị H. Trong toàn bộ quá trình Tòa án chuẩn bị giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị H kiên quyết xin ly hôn trong khi đó anh T lại không tìm ra biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Căn cứ vào thực tế cuộc sống của chị H với anh T và mong muốn được ly hôn của chị H; Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T thật sự đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Đào Thị H và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 03/10/2012 và cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 22/7/2017;

từ khi chị H về sống với bố mẹ đẻ chị thì các cháu ở với anh T, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Xét thấy việc nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ; chị H, anh T đều có việc làm cho thu nhập tương đương nhau; đều đang ở cùng với bố mẹ; nhà bố mẹ hai anh chị cùng thôn không cách nhau quá xa; cháu Đ có nguyện vọng ở với anh T, cháu Ph không nêu nguyện vọng muốn ở với ai. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H; giao cháu Ph cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh T xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Thị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đào Thị H ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị H. Giao cháu Trần Hải Ph, sinh ngày 22/7/2017 cho chị Đào Thị H nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 03/10/2012 cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh T và các thành viên trong gia đình chị H, anh T không được cản trở anh T, chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ph và cháu Đ.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000573 ngày 11/10/2024 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)